

TÌM HIỂU VỀ GIÁO THUYẾT, TÍN LÝ, ĐẠO ĐỨC VÀ LỐI SỐNG CỦA TÍN ĐỒ TIN LÀNH TẠI VIỆT NAM

Tóm tắt: Với lịch sử truyền giáo hơn 100 năm, Tin Lành giáo đã trở thành một cộng đồng tôn giáo có ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội Việt Nam hiện nay. Bài viết tìm hiểu về những đặc điểm giáo thuyết, đạo đức lối sống của tín đồ Tin Lành, phát huy những giá trị nhân văn của tôn giáo này nhằm góp phần xây dựng văn hóa, xã hội trong giai đoạn hiện tại. Ngoài việc khái quát chung về Tin Lành giáo trên thế giới, bài viết còn tìm hiểu, phân tích về những đặc trưng giáo thuyết, tổ chức, đạo đức, lối sống của cộng đồng Tin Lành đang chiếm vai trò quan trọng tại Việt Nam. Tuy nhiên, đây là chủ đề nghiên cứu rất rộng lớn và phức tạp, nên tác giả chỉ coi đây là những tiếp cận và nghiên cứu ban đầu, chưa thể bao quát mọi góc cạnh của vấn đề.

Từ khóa: Tin Lành, giáo thuyết, tín điều, luân lý, Việt Nam.

1. Tin Lành giáo và sự khẳng định học thuyết, tín lý của Tin Lành

Tin Lành giáo với thuật ngữ quốc tế Protestantism (Anh), Protestantisme (Pháp) là một trong ba dòng phái chính và ra đời muộn nhất của Kitô giáo. Ra đời từ phong trào Cải cách tôn giáo tại Châu Âu thế kỷ 16 với chủ đích xóa bỏ các thể chế tổ chức và nghi thức thờ phượng của Giáo hội Công giáo Roma thời bấy giờ, Tin Lành giáo đã hình thành với đặc trưng là một tôn giáo bao gồm nhiều xu hướng đa dạng, nhiều giáo hội, giáo phái hợp thành.

Tại Việt Nam, tên gọi Tin Lành ra đời và phổ biến trong một hoàn cảnh khá đặc biệt và nội hàm của nó tương đương thuật ngữ

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Ngày nhận bài: 01/12/2017; Ngày biên tập: 12/12/2017; Ngày duyệt đăng: 22/12/2017.

Protestantism (còn được dịch ra tiếng Việt là đạo Thệ Phản, đạo Kháng Cách), cụ thể như sau:

Tin Lành (Protestantisme) là một trong ba dòng phái chính của Kitô giáo, ra đời từ trong phong trào Cải cách tôn giáo, tách ra từ Giáo hội Công giáo tại Châu Âu thế kỷ 16. Tin Lành là tên gọi chung của một tôn giáo bao gồm nhiều giáo hội, giáo phái độc lập khác nhau, cụ thể như: các cộng đồng tiền Cải cách (Waldenses, Albigenses), các giáo hội ra đời từ Cải cách (Luther giáo, Calvin giáo, Anh giáo), các giáo phái ra đời nối tiếp cuộc Cải cách và từ tư tưởng M. Luther, J. Calvin: Baptism, Metodism, Adventism, v.v...¹.

1.1. Những đặc trưng về học thuyết, tín lý của Tin Lành giáo trong sự so sánh với Công giáo

Thứ nhất, khác với giáo hội Công giáo vốn cho rằng cội nguồn của đức tin bao gồm Thánh ngôn - Kinh Thánh và Thánh Truyền (các chỉ dụ sắc lệnh của Giáo hoàng và các quyết định của Công Đồng), Tin Lành giáo chỉ công nhận Kinh Thánh là cơ sở duy nhất để xây dựng đức tin. Kinh Thánh được Tin Lành giáo công nhận với 39 sách Cựu Ước và 27 sách Tân Ước, không thừa nhận một số sách Cựu Ước như Kinh Thánh Công giáo.

Thứ hai, điểm khác biệt căn bản giữa Tin Lành giáo và Công giáo là ở luận thuyết về sự cứu chuộc. Giáo hội Công giáo cho rằng, con người chỉ được cứu rỗi linh hồn qua trung gian Giáo hội, các giáo sĩ có quyền thay mặt Chúa ban phúc, tha tội. Còn đối với tín đồ thì phải xưng tội, làm việc thiện, hãm mình mới được cứu. Tin Lành giáo thì bác bỏ điều này và nêu ra những nét chính luận thuyết về sự cứu chuộc như sau:

Luther giáo cho rằng chỉ được cứu rỗi nhờ đức tin vào tình thương của Chúa, bác bỏ việc xưng tội, làm việc thiện nếu thiếu ân điển của Chúa thì cũng không mang lại ý nghĩa gì. Mỗi con người phải tự tìm ra con đường đến với Đức Chúa Trời để được cứu chuộc. Giáo sĩ chỉ là người cố vấn tìm đường mà thôi.

Calvin giáo lại cho rằng sự cứu rỗi hoàn toàn phụ thuộc vào ân điển của Chúa, đề cao thuyết tiền định cho rằng Chúa đã phân định trước

người hạnh phúc và bất hạnh, mọi nỗ lực cá nhân chuộc tội thiếu tình thương của Chúa đều vô hiệu.

Thứ ba, khác với Công giáo công nhận và thực hành 7 phép bí tích, Luther giáo chỉ công nhận có hai phép: Rửa tội và Tiệc thánh. Calvin giáo chỉ công nhận có một, đó là phép Rửa tội. Tiệc thánh theo họ quan niệm chỉ là kỷ niệm nhớ lại sự cứu chuộc của Chúa Jesus mà thôi. Phép rửa theo Tin Lành giáo cũng không phải là sự tẩy trừ tội tổ tông một cách linh nghiệm như quan niệm Công giáo mà là dấu chỉ thay cũ, đổi mới trong đời sống, bắt đầu một đời sống mới trong ân điển của Chúa.

Đa phần các giáo phái Tin Lành chỉ thực hiện phép Rửa tội đối với người đã lớn, đã hiểu biết lẽ đạo (trừ Luther giáo) và bằng hình thức đìm cả người (khác với Công giáo, chỉ nhỏ nước và rửa tội cho trẻ sơ sinh).

Thứ tư, trái ngược với Giáo hội Công giáo có sự phân chia, phân biệt rõ tín đồ ra làm hai loại: giáo dân và giáo sĩ với thân phận và quyền hạn khác biệt nhau thì Tin Lành giáo lại đặc biệt đề cao nguyên tắc mọi người đều bình đẳng và thánh thiện như nhau khi đã chịu phép Rửa. Mỗi tín đồ đều có thể thông công trực tiếp với Chúa mà không cần thông qua tầng lớp giáo sĩ trung gian nào cả. Vì công việc của đạo đòi hỏi phải bầu ra chức vụ, cũng như đào tạo các chức nhiệm để chu toàn công việc chứ theo các nhà thần học Tin Lành thì Hội Thánh của họ không phân chia ra tín đồ và giáo sĩ và cũng không có phẩm trật, bởi vì tất cả tín đồ đều là chi thể của Thân Christ, mỗi người đều đồng đẳng, đồng quyền và đồng trách nhiệm trước mặt Đức Chúa Trời.

Tín đồ cũng có thể làm mọi công việc của giáo sĩ, đặc biệt là công việc truyền đạo. Giáo sĩ cũng chỉ là những người chuyên sâu một vài công việc nhà Chúa, chứ không có thần quyền, không có danh tính Thánh.

Thứ năm, cho dù giữa các giáo hội, giáo phái Tin Lành có sự khác biệt khá lớn về nghi thức thờ phượng nhưng nhìn chung đều có sự nhấn mạnh đến tính chất Cải cách, giảm sự rườm rà trong nghi lễ, hướng đến sự đơn giản, hiệu quả.

Tín đồ Tin Lành chỉ thờ phượng Chúa, ngoài ra cấm ngặt mọi hình tượng bái và thờ lạy khác, kể cả Đức Mẹ và các Thánh như bên Công giáo.

Tin Lành giáo triệt để cấm dùng, thờ tranh ảnh, tượng Thánh, di cốt Thánh, cũng như không có Thánh địa và thực hiện hành hương.

Các nhà thờ Tin Lành có kiến trúc đơn giản, không dùng tượng Chúa chịu nạn, không có “cung thánh” trang hoàng nguy nga, trên tường không có ảnh tượng *14 đàng thương khó*, chỉ có vài câu Kinh Thánh được kẻ, treo ở chỗ dễ thấy, chỉ có cây thập tự, biểu tượng Chúa chịu nạn.

Lý giải cho truyền thống canh tân, Cải cách, phá bỏ mọi tàn dư phong kiến của nhà thờ Công giáo, các nhà tư tưởng của Tin Lành đã dùng Kinh Thánh lý giải nguyên do cấm thờ lạy hình tượng như sau:

Hình tượng là công việc do tay người làm ra, hình tượng có miệng mà không nói, có tai mà không nghe, có mũi mà chẳng ngửi, có tay mà không sờ rầm, có chân nào biết bước đi... Phàm kẻ nào làm hình tượng mà nhờ cậy nơi đó, đều giống nó (Thi Thiên 115: 4-8).

Cốt lõi của nghi thức thờ phượng của Tin Lành giáo (đối với hầu như tất cả các dòng phái) là việc đọc Kinh Thánh và giảng Kinh Thánh (đọc và hiểu lời Chúa). Đi liền với việc đọc Kinh Thánh là cầu nguyện cá nhân và tập thể.

Tùy theo từng giáo hội, giáo phái Tin Lành mà thờ phượng cũng có những khác biệt ít nhiều. Tuy nhiên nếu nói chung Luther giáo và Calvin giáo, một buổi thờ phượng của mỗi cộng đồng Tin Lành phải có đủ các yếu tố sau: Âm nhạc => cầu nguyện => đọc Kinh Thánh => lời báo cáo => dâng tiền => Bài giảng => Chúc phước/phúc.

Trong đó, quan trọng nhất là truyền giảng và đọc Kinh Thánh.

Thứ sáu, tất cả các giáo hội, giáo phái Tin Lành theo nguyên tắc đều bãi bỏ hệ thống phẩm trật cùng bộ máy điều hành giáo hội như bên Công giáo, bác bỏ quyền bính của Giáo hoàng. Tin Lành giáo không có tổ chức thống nhất toàn cầu, hoặc có cố gắng, đoàn kết trong một số nhiệm vụ chung nhưng cũng rất khó khăn. Điều này xuất phát từ sự đa dạng tổ chức giáo phái, giáo hội với những vị trí xã hội và lợi

ích quan tâm khác nhau. Một số giáo hội lớn trong Tin Lành như Luther giáo và Anh giáo được tổ chức như là những liên đoàn quốc gia, người đứng đầu nhà nước cũng là lãnh đạo giáo hội (Anh giáo) hay là thành viên của tổ chức giáo hội quốc gia (ở Đức tồn tại đến năm 1918).

Ngược lại, Calvin giáo và các giáo phái khác chịu ảnh hưởng lại bác bỏ nguyên lý nhà thờ phụ thuộc nhà nước, nêu cao nguyên tắc tự trị, tự quản rộng rãi cho từng chi hội địa phương.

Tuy nhiên, điểm chung nổi bật nhất của hệ thống tổ chức Tin Lành là đặc biệt đề cao tính tự chủ, độc lập, tự quản của từng cộng đồng cơ sở.

Tin Lành giáo vẫn duy trì các chức danh như: Trưởng lão, Mục sư... Anh giáo còn duy trì chức danh Giám mục.

Việc buộc phải sống đời độc thân đối với giáo sĩ bị bãi bỏ. Nhiều giáo hội, giáo phái còn quy định giáo sĩ phải lập gia đình mới được phong chức và cử đi truyền đạo.

Tất cả các giáo phái đều chú trọng một tiêu chuẩn đặc biệt để làm giáo sĩ đó là được ân tứ của Chúa mà suy ra cụ thể là khả năng và nhiệt tình truyền giáo.

Cuối cùng, sự áp dụng nguyên tắc mọi tín đồ đều có thể đọc, hiểu lời Chúa và tương giao trực tiếp đối với Đức Chúa Trời cũng là một nguyên do dẫn tới sự phân chia, chia tách và ra đời của nhiều giáo hội, giáo phái, nhóm Tin Lành trải nhiều thế kỷ cho đến hiện nay. Điều này khiến cho mỗi giáo hội, giáo phái, tổ chức Tin Lành vì muốn giữ lẽ luật, tổ chức của mình thường nêu và tuyên xưng nội dung tín điều của mình được hiểu theo Kinh Thánh một cách cụ thể, theo nghĩa đen, tránh sự hiểu nhầm.

1.2. Đặc điểm về học thuyết, tín lý của Tin Lành giáo tại Việt Nam hiện nay

Theo các cơ quan hữu quan và cả từ phía giới chức Tin Lành, hiện tại cộng đồng Tin Lành tại Việt Nam ước khoảng từ 1 đến 1,3 triệu người trong đó gần 80% trực thuộc 02 tổ chức giáo hội lớn là Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) và Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc). Hai tổ chức này vốn cùng do Hội Truyền giáo

C.M.A² trước đây gây dựng và cùng tín lý. Trong số các hệ phái, nhóm Tin Lành còn lại cũng có một số không khác biệt nhiều về tín lý (một số tách ra từ Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) do bất đồng về tổ chức).

Chính vì vậy, thiết tưởng cũng nên dừng lại và chú ý đến học thuyết, tín lý mà hai tổ chức này tuyên xưng bởi tính đại diện, dẫn dắt đa số tín đồ Tin Lành tại Việt Nam, nhất là sau khi Hiến chương của họ đã được cải sửa, bổ sung trong thời gian gần đây.

Điều 6 của **Hiến chương** cả hai tổ chức này mục Tín Lý đều ghi rõ: *Tín lý của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam) căn cứ trên Kinh Thánh (Cựu và Tân Ước, gồm 66 sách) là nền tảng cho mọi giải thích và thực hành đức tin như đã tóm tắt trong Tín lý (chương IX) của Hiến chương này*³.

Các tín lý được trình bày rõ ràng và chi tiết như sau:

Điều 56: Về ĐỨC CHÚA TRỜI

Chỉ có một Đức Chúa Trời Hằng sống, Vô hạn, Ngài là Đấng Tạo hóa.

Điều 57: Về ĐỨC CHÚA JESUS CHRIST

Đức Chúa Jesus Christ là Ngôi Hai Đức Chúa Trời, cùng bản tính, cùng Quyền năng, Bình đẳng, Hằng hữu với Đức Chúa Trời.

Điều 58: Về ĐỨC THÁNH LINH

Đức Thánh Linh là Ngôi Ba Đức Chúa Trời, cùng bản tính, cùng quyền năng, bình đẳng, hằng hữu với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con.

Ngài tác động vào công cuộc sáng tạo, là Thần ngăn trở kẻ tội ác (ma quỷ) để ý chỉ và chương trình của Đức Chúa Trời Ba Ngôi được hoàn thành.

Đức Thánh Linh là Thần thuyết phục, cáo trách và khiến tội nhân tự cáo về tội lỗi, về sự công bình và sự phán xét.

Đức Thánh Linh là Thần lễ thật ban ơn Cứu rỗi, Tái sinh, Thánh hóa người tin và dẫn dắt Hội thánh.

Đức Thánh Linh là Thần thông sáng, khai tâm mở trí người tin, dẫn dắt lễ thật cách trọn vẹn.

Điều 59: *ĐỨC CHÚA TRỜI BA NGÔI*

Hội Thánh Tin Lành Việt Nam tin nhận Đức Chúa Trời Ba Ngôi: Đức Chúa Cha là Đức Chúa Trời, Đức Chúa Con là Đức Chúa Trời, Đức Thánh Linh là Đức Chúa Trời. Ba Ngôi hiệp một, bình đẳng, cùng bản tính, và hiệp lại làm một Đức Chúa Trời trọn vẹn (Sáng 1:3, 26; Giăng 14:23; II Côr. 13:13; Giu-đe 24; Khải. 22:16 -19).

Điều 60: *CÔNG CUỘC SÁNG TẠO*

Đức Chúa Trời Ba Ngôi đã hoàn thành công cuộc sáng tạo theo ý chỉ và chương trình trọn lành của Ngài.

Cuộc sáng tạo này được ghi lại trong Kinh thánh hoàn toàn rõ ràng theo nghĩa đen và nghĩa tâm linh, không phải là ngụ ngôn hay nghĩa bóng.

Loài người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và cuộc tạo dựng này không bởi sự tiến hóa hay do quá trình tiến hóa.

Toàn thể vũ trụ đã được Đức Chúa Trời sáng tạo từ chỗ không không, theo quy luật riêng, để chúng sinh sản và phát triển “tùy theo loài”.

Công cuộc sáng tạo biểu hiện vinh quang Đức Chúa Trời đem lại lợi ích, phục vụ cho cuộc sống nhân loại trên trần gian (Sáng. 1,2; Giăng 1:1-3; Thi. 8, 19; Hêb. 1:1-3; 2:6-7)”.

Điều 61: *CÔNG CUỘC CỨU CHUỘC*

1. Sự Sa Ngã

Loài người được tạo dựng từ buổi đầu rất tốt lành, nhưng đã sa ngã vì không thắng được sự cám dỗ trong cuộc thử nghiệm. Con người đã sa vào tội lỗi không phải do tình cờ mà do chính sự lựa chọn theo ý riêng.

Con người bị hư hoại cả thân thể, tâm thần, linh hồn và lưu truyền tính hư hoại ấy cho cả dòng dõi loài người.

Vì sa ngã, con người bị nguyên rủa, bị định tội và không thể tự giải thoát. Do đó con người không bao giờ được giải cứu nếu không nhờ đến ân điển Cứu chuộc của Đức Chúa Jesus Christ (Sáng. 1:26-28; 3:6-8, 13; Rôm. 5:12; IICôr.2:3, Êph. 2:1-3, 8-9; Giăng 1:14; 3:36).

2. Sự Chuộc Tội

Sự cứu rỗi hoàn toàn do ân điển, qua vai trò Trung bảo của Con Đức Chúa Trời là Đức Chúa Jesus Christ, Đấng được Đức Chúa Trời ban sai. Ngài mang lấy hình thể yếu đuối như chúng ta, song không hề phạm tội. Theo ý Cha, Ngài vâng phục trọn vẹn và bởi sự đổ huyết của Ngài trên thập tự giá, trở nên giá chuộc tội cho chúng ta.

Sự chết của Đức Chúa Jesus Christ trên Thập tự giá không phải một hành động tuân đạo, song chính là một sự hy sinh tự nguyện. Ngài chịu đứng vào địa vị tội nhân thay thế cho chúng ta, sự công chính thay thế sự bất chính, trước luật thánh khiết và công chính tuyệt đối của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Jesus Christ đã sống lại từ cõi chết, và hiện nay ngồi bên hữu Đức Chúa Trời với vinh quang vốn có từ trước. Ngài là Chúa Cứu thế, luôn cảm thương và cầu thay cho chúng ta trong mọi cảnh ngộ (Rôm. 3:22,24,45; 8:30; Phi-líp 2:5-11; Côm. 5:19-21; Hêb. 4:14-15; 7:24-26; I Phi-ê-rơ 1:19).

3. Ân Điển và Sự Đổi Mới

Tội nhân được hưởng ơn cứu rỗi do tin nhận Đức Chúa Jesus Christ, từng trải sự tái sinh, đó là việc tạo dựng thành người mới trong Đức Chúa Jesus Christ, do sự sống bất diệt của Đức Chúa Trời, sự ban cho Đức Thánh Linh, hoàn toàn không do nỗ lực riêng và công đức của bất cứ ai.

Đó là sự dựng nên mới vượt trên mọi sự hiểu biết của lý trí, không phải bởi sự nỗ lực riêng hay sự thay đổi về văn hóa, lối sống, không bởi ý người, song hoàn toàn do quyền năng của Đức Thánh Linh dẫn dắt bằng lẽ thật của Kinh Thánh. Sự cứu rỗi bảo đảm bởi quyền phép Đức Chúa Trời, và bởi đức tin bền vững của con người nơi Đức Chúa Jesus Christ...

Điều 62: *KINH THÁNH*

Kinh Thánh là lời thành văn của Đức Chúa Trời được Đức Thánh Linh soi dẫn, là Lẽ thật không sai lầm mà Đức Chúa Trời đã mặc khải và soi sáng cho các trước giả thời Cựu Ước và Tân Ước.

Kinh Thánh là sự bày tỏ ý chỉ và đường lối của Đức Chúa Trời cho loài người. Kinh Thánh là mực thước cho đức tin và đời sống đạo đức của tín đồ. Do đó Kinh Thánh là trọng tâm và là tiêu chuẩn tuyệt đối

của đời sống người tin, là cơ sở mà Đức Chúa Trời sẽ phán xét mọi tư tưởng và hành vi của nhân loại.

Kinh Thánh gồm Cựu Ước (39 sách) và Tân Ước (27 sách), là bộ kinh điển không chỉ hàm chứa lời phán của Đức Chúa Trời, mà chính là Lời Đức Chúa Trời ban cho nhân loại.

Khi nói Kinh Thánh được hà hơi, nghĩa là được Đức Chúa Trời điều khiển các trước giả một cách siêu nhiên bởi Đức Thánh Linh, và tể trị mọi sự đến nỗi mọi điều họ viết nguyên bản đều được hướng dẫn cách chính xác và không sai lầm, dù trong bất cứ lãnh vực nào.

Kinh Thánh là nền tảng đức tin của tín hữu, Hội Thánh có trọng trách tuân thủ và rao truyền khắp mọi nơi, mọi thời đại (Rôm.15:4; II Tim.3:15. I Phi. 1:22-25; Giăng 12:48; II Phi. 1:20-21; Khải 22:18-19)".

Điều 63: *HỘI THÁNH*

1. Hội Thánh Hữu Hình

Hội Thánh hữu hình bao gồm những người đã tin nhận Đức Chúa Jesus Christ, hiệp nhau bởi giao ước đức tin nơi Phúc Âm. Tuân giữ các Thánh lễ do Chúa ban truyền và các Lễ nghi khác. Hội thánh hữu hình là một tổ chức được quản lý bởi Luật thánh của Chúa, thể hiện các ân tứ và đặc quyền theo lời Chúa dạy, được hướng dẫn bởi Mục sư.

Hội Thánh thực thi đại mạng lệnh của Chúa; môn đồ hóa muôn dân, làm Báp-têm cho mọi người tin trong Danh Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Linh, dạy họ giữ mọi điều Chúa truyền.

Hội Thánh địa phương tự lập để gây dựng và phát triển Hội Thánh. Các Hội Thánh địa phương cùng hiệp lại với nhau trong niềm tin, xác quyết qua **Bản Tín Điều Các Sứ Đồ** và tinh thần hỗ trợ truyền giáo (Math. 28:18-19; Mác. 16:15; I Côr. 1:1-3; I Phi. 1:22-25; Rôm. 10:8-17; Công. 2:42-47; Giăng. 17:21-23; Êph. 2:19-22; 5:26-27; I Tim. 3:15-16; II Tim. 4:1-5).

2. Hội Thánh Vô Hình

Những người đã tin nhận Đức Chúa Jesus Christ, được tái sinh bởi quyền phép Đức Thánh Linh, hiệp một trong Danh Đức Chúa Jesus

Christ, khắp mọi nơi, mọi thời đại, tạo nên một thân thể thiên liêng, mà chính Đức Chúa Jesus Christ là đầu.

Đức Chúa Jesus Christ là Chủ của Hội thánh, bởi Đức Thánh Linh Ngài bày tỏ vinh quang của Đức Chúa Trời qua Hội thánh.

Hội thánh vô hình thuộc về vương quốc Đức Chúa Trời, bao gồm cả thời kỳ Cựu Ước, thời kỳ Tân Ước và cõi lai sinh (Êph. 3:10; 5:22-27; Giăng. 17:21-23; Công. 20:28; Hêb. 12:22-24; Khải. 19:6-8; 22:17)”.
 Điều 64: *ÂN TỨ CỦA ĐỨC THÁNH LINH*

Để kiện toàn Hội Thánh, Đức Thánh Linh ban ân tứ của Ngài cho mỗi người tin, không phân biệt ai.

Ân tứ là quà tặng đến từ Đức Chúa Trời Ba Ngôi, nên không một ai có quyền phân biệt, ganh tị hay chiếm độc quyền; cũng không một ai có thể tự tạo hoặc truyền thụ cho người khác.

Các ân tứ của Đức Thánh Linh bao gồm:

1) Chức Dịch: Sứ đồ, Tiên tri, Mục sư (Giám mục, Trưởng lão), Giáo sư, Thầy giảng Tin Lành, Chấp sự.

2) Công Việc: Dạy dỗ, khuyên bảo, cứu giúp, quản trị, chữa bệnh, đuổi quỷ.

3) Tri Thức Thuộc Linh: Lời nói khôn ngoan, sự thông biết, ơn Tiên tri, phân biệt các thần, nói ngôn ngữ mới, và sự thông giải.

Điều 65: *ÂN TỨ NÓI NGÔN NGỮ MỚI VÀ CHỮA BỆNH*

1. Ân Tứ Nói Ngôn Ngữ Mới

Là Ân tứ được ban cho trong ngày Lễ Ngũ Tuần đầu tiên tại Giê-ru-sa-lem với mục đích công bố và rao truyền ơn Cứu rỗi của Đức Chúa Trời cho người Do Thái, và sau là người ngoại bang, để hiệp họ nên một trong thân thể là Hội Thánh Chúa trên đất (Công. 2:8, 14, 17; 10:44-47; 19:1-17)

2. Ân Tứ Cầu Nguyện Chữa Bệnh Và Phép Lạ

Là dấu hiệu về đặc quyền của 12 sứ đồ (Math. 10:1; Mác 3:14; Luca. 9:1-2) và các môn đồ (Luca. 10:9).

Là ơn Chúa ban cho Hội Thánh khi hiệp nhau xúc dầu cầu nguyện (Gia-cơ. 5:14-16).

3. Cảnh Giác Về Sự Lạm Dụng Các Ân Tứ

Ân tứ đến từ Đức Chúa Trời, song vẫn có trường hợp con người lạm dụng theo ý riêng và sự xúi giục của xác thịt (Công. 8:18-24, Math. 4:3-4; 7:21-23; Luca. 4:3).

Một số tín hữu Hội Thánh Cô-rinh-tô đã lạm dụng ân tứ nói tiếng mới, gây nên kiêu ngạo, chia rẽ trầm trọng (I Cô-rinh-tô. 12, 14)".

Điều 66: *ÂN TỨ VÀ BÔNG TRÁI LỚN HƠN HẾT: TÌNH YÊU THƯƠNG*

Hãy nôn nả tìm kiếm tình yêu thương (I Cô-rinh-tô. 12:31;13;14;1).

Điều 67: *BÔNG TRÁI CỦA ĐỨC THÁNH LINH*

Cơ Đốc Nhân là người có sự sống đời đời do lòng tin nơi Đức Chúa Jesus Christ.

Sự sống đời đời là sự sống của chính Đức Chúa Trời Ba Ngôi ban cho. Khi có sự sống của Chúa sẽ kết quả bằng bông trái Đức Thánh Linh, được thể hiện qua nếp sống với mục đích tôn vinh Đức Chúa Trời, dất đem tội nhân đến sự cứu rỗi.

Bông trái Đức Thánh Linh tức là sự yêu thương, vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhân từ, hiền lành, trung tín, mềm mại và tiết độ (Ga-la-ti. 5:22).

Bông trái Đức Thánh Linh là kết quả đa diện và phong phú trong cuộc đời theo Chúa (I Phi-e-rơ. 1:3-11; II Phi-e-rơ. 1:3-9)".

Điều 68: *THỜ PHƯỢNG VÀ TÔN VINH ĐỨC CHÚA TRỜI*

1. Chủ nhật: Chủ nhật là ngày thứ nhất trong tuần lễ mà Hội Thánh đầu tiên đã nhóm lại thờ phượng Đức Chúa Trời Ba Ngôi, để kỷ niệm ngày Đức Chúa Jesus Christ từ sự chết sống lại (Giăng. 20:19; 16, Công vụ. 2:1).

Trong ngày Chủ nhật, Hội Thánh phổ thông trên thế giới nghỉ các công việc mình, tùy điều kiện hiệp lại để thờ phượng và tôn vinh Đức Chúa Trời, và bày tỏ ơn Cứu rỗi cho người chưa tin.

2. Tại Nhà Riêng: Mỗi gia đình tín hữu nên giữ Gia đình Lễ bái, sự Thông công, sự Cầu nguyện, và hằng bước đi trong sự tin kính Chúa (Công. 2:46-47; 28:30-31; Ê-phê-sô. 6:1-9; Cô-lô-sê. 3:18-25).

Điều 69: GIA ĐÌNH CƠ ĐỐC

Mọi người phải tôn trọng Hôn nhân, chung thủy một vợ một chồng.

Hội Thánh không chấp thuận việc ly hôn, ngoại trừ trường hợp ngoại tình.

Người sống độc thân phải biệt riêng đời sống cho Chúa.

Lời Chúa lên án những hình thức luyến ái như: Đồng tính, trước hôn nhân, ngoài hôn nhân, đa thê, loạn luân, vô luân.

Vợ chồng, cha mẹ, con cái và mọi người trong gia đình phải có lòng hiếu thảo, vâng phục, yêu thương, trung tín, thủy chung và tôn trọng nhau (Hêb. 13:4; Math. 19:9; Sáng. 19:1-11; Ê-phê-sô. 5:22-23; I Côr. 7:7-9, 32; Rôma. 1:26;27).

Điều 70: PHỤC VỤ HỘI THÁNH

Trách nhiệm mỗi tín hữu là thường xuyên tham gia thờ phượng Chúa tại Nhà thờ, Nhà nguyện, các Điểm nhóm, Nhà riêng.

Tham gia các sinh hoạt của Hội Thánh bằng sự nhóm họp, thăm viếng, dâng hiến, ca ngợi Chúa, làm chứng, chia sẻ niềm tin, truyền giảng, và các công tác gây dựng và phát triển Hội Thánh (Công. 2:42-47; Ê-phê-sô. 5:19-20; Công. 1:8;8:9)".

Điều 71: RAO GIẢNG TIN LÀNH

Nhiệm mạng trọng yếu mà Đức Chúa Jesus Christ đã giao phó là mỗi người tin Chúa phải trung tín rao truyền đạo cứu rỗi cho mọi người.

Ưu tiên truyền giáo, giảng Tin Lành dù thuận lợi hay không (Math. 28:18-20; Mác 16:15; Công. 1:8; II Tim. 4:1-5; Math. 24:14).

Điều 72: TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

1. Yêu Thương Giúp Đỡ

Loài người cả nam nữ đều được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, nên mỗi Cơ Đốc Nhân kính Chúa thì phải yêu người.

Mỗi Cơ Đốc Nhân có trách nhiệm xây dựng xã hội mình đang sống. Phải yêu thương, giúp đỡ mọi người trong hoàn cảnh khốn khó.

Tham gia các công tác xã hội tại địa phương, giữ tình đoàn kết, hết lòng phục vụ an sinh xã hội và cầu sự bình an cho mọi người (Sáng. 1:26-27; Gia-cơ. 1:27, 2:14-17; Hêb. 12:14; I Tim. 2:1; Math. 22:37-39).

2. Bỏ Phận Công Dân

Vâng phục nhà cầm quyền vì họ do Đức Chúa Trời lập nên.

Cầu nguyện cho các nhà cầm quyền để họ thi hành trật tự và công bằng xã hội.

Tôn trọng Luật pháp hiện hành, làm trọn mọi nghĩa vụ công dân hợp với Tín lý.

Sự tự do của Cơ Đốc Nhân không làm vấp phạm cho người khác (Rôm. 13:1-7; I Phi-e-rơ. 2:13-17; Math. 17:24-27)".

Điều 73: *MÔI TRƯỜNG SỐNG*

Thế giới và mọi vật trong thế giới được Đức Chúa Trời dựng nên và bảo tồn.

Đức Chúa Trời ban cho loài người quyền quản trị muôn vật.

Hãy cảm tạ, thụ hưởng và bảo vệ.

Không vượt quyền Đấng Tạo hóa. (Thi. 8:1-9; 96;97; 100; Mi-chê 6:8).

Điều 74: *SỰ TÁI LÂM CỦA ĐỨC CHÚA JESUS CHRIST*

Vì Đức Chúa Jesus Christ đã chết cho tội nhân, Ngài Phục sinh, Thăng thiên, ngự bên hữu ngai Đức Chúa Trời, làm Thầy Tế Lễ Thượng Phẩm Hằng sống Đòi đòi, cầu thay và biện hộ cho người được chọn.

Từ khi Đức Chúa Jesus Christ Giáng sinh cho đến khi Ngài Tái lâm là thời đại Ân điển. Do sự truyền bá Tin Lành, Đức Chúa Trời lựa chọn từ trong Thế gian những người được biệt riêng gọi là Hội Thánh của Đức Chúa Jesus Christ. Khi Tin Lành cứu rỗi được rao truyền khắp nơi và số người được chọn gia nhập vào Hội Thánh đầy đủ, thì Đức Chúa Jesus Christ sẽ thành linh từ Trời trở lại trần gian này, theo

thì giờ Đức Chúa Trời đã ấn định (không ai có thể biết trước) để tiếp rước Hội Thánh lên không trung gặp Chúa.

Điều 75: SỰ SỐNG LẠI VÀ SỰ XÉT ĐOÁN

Mọi người sẽ sống lại theo thứ tự riêng. Người tin sống lại, đồng trị trong Vương quốc Thiên hi niên; người không tin sẽ sống lại sau Thiên hi niên để chịu phán xét.

Cuối cùng Đức Chúa Trời sẽ thi hành sự phán xét chung, người Công chính sẽ vào hưởng sự sống và phước hạnh đời đời trong trời mới đất mới, còn người khước từ ơn cứu rỗi sẽ bị khổ hình một cách có ý thức, trong hồ lửa, trong đó đã có ma quỷ và những quỷ sứ nó, cho đến đời đời (I.Tê-sa-lô-ni-ca 4:16; I Cô-rinh-tô 15:42-44,45; Công vụ 4:15; Giăng 5:28-29; Phi-líp 3:21; Khải. 20:10, 11-15; 21:1-8, 22-27).

Điều 76: BÀI TÍN ĐIỀU CÁC SỨ ĐỒ

Tôi tin Đức Chúa Trời toàn năng là Cha, là Đấng dựng nên trời đất. Tôi tin Đức Chúa Jesus Christ là Con độc sanh của Đức Chúa Trời, là Chúa chúng ta; Ngài được thai dựng bởi Thánh Linh, sanh bởi nữ Đồng trinh Mari, chịu thương khó dưới tay Bôn-xơ-phi-lát, bị đóng đinh trên Thập tự giá, chịu chết và chôn; Ngài xuống âm phủ; đến ngày thứ ba; Ngài từ kẻ chết sống lại; Ngài thăng thiên, ngồi bên hữu Đức Chúa Trời toàn năng là Cha; từ đó, Ngài sẽ trở lại để xét đoán kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin Đức Thánh Linh. Tôi tin Hội thánh phổ thông, sự cảm thông của thánh đồ, sự tha tội, sự sống lại của thân thể, và sự sống đời đời. Amen⁴.

Với những dữ liệu nêu ra, có thể nhận thấy rằng Tin Lành giáo tại Việt Nam mang những nét đặc trưng, cơ bản của luận thuyết, tín điều, phương cách truyền giáo của Tin Lành thế giới. Thêm vào đó, do bối cảnh lịch sử truyền giáo chi phối, do ảnh hưởng di truyền từ Hội truyền giáo mẹ, do tương tác đa chiều với văn hóa, xã hội bản địa nên Tin Lành cũng có những thích ứng để tồn tại.

Nguyên tắc chỉ coi Kinh Thánh là nền tảng duy nhất, cội rễ của đức tin được tuân thủ một cách triệt để và bảo thủ, đặc biệt khi va chạm với các tín ngưỡng tôn giáo khác ở một miền truyền giáo mà đa phần dân chúng còn xa lạ với niềm tin Cơ Đốc giáo. Nguyên tắc này theo

các giai đoạn truyền giáo được cải sửa, bổ xung cho hoàn thiện để có thể làm nền tảng chân lý cho *Hội Thánh bản xứ* được đứng vững và tự lập, trưởng thành ngay cả khi xuất hiện các giáo phái Tin Lành khác cạnh tranh địa bàn truyền giáo.

Cũng chính vì tuân thủ triệt để nguyên lý này mà Tin Lành giáo tạo dựng nhân sinh quan, thế giới quan, khẳng định tính chất không thể sai lầm của tôn giáo mình để truyền giáo, thu hút tín đồ, *cứu rỗi những linh hồn hư mất* như họ tự hào rao giảng. Dầu sao, đối với mỗi tín đồ Tin Lành, Kinh Thánh và các tín điều là **giá trị chân lý** của họ. Từ đây là kim chỉ nam cho mọi sự thực hành và lối sống tín đồ tạo nên niềm tin, tình cảm, nhận thức và hành vi của tín đồ trong Hội Thánh cũng như trong xã hội.

Tuy vậy, cùng với thời gian, nguyên tắc này cũng bộc lộ và thể hiện sự cứng nhắc, bảo thủ khi giáo hội Tin Lành không chú trọng đến việc phát triển những tư tưởng và nền thần học bản xứ. Họ bằng lòng với lối diễn giải thần học dập khuôn câu chữ theo nghĩa đen trong Kinh Thánh đã được soạn sẵn, sợ những thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tính chất bền vững cố hữu trong các tín điều làm cho lung lay những nền tảng giáo hội của họ.

Có thể nhận thấy rằng, thay đổi lớn lao trong định hướng thái độ của giáo hội đối với xã hội lại được giáo hội Tin Lành đưa vào mục tín lý dưới yêu cầu đòi hỏi của đời sống chính trị, xã hội. Điều 72: Trách nhiệm xã hội và Điều 73: Môi trường sống, là một chứng minh cho thấy tôn giáo này có thể và cần phải có đường hướng năng động và tích cực hơn.

2. Một số đặc trưng về văn hóa của Tin Lành giáo tại Việt Nam

Đã có một sự tiếp biến từ tính cách Âu - Mỹ sang tính cách Á Đông ngay trong sinh hoạt thờ phượng của cộng đồng Tin Lành. Nếu như tại các nhà thờ Tin Lành ở Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi, thờ phượng Chúa, hát Thánh ca, kèm nhảy múa, vỗ tay, diễn xướng kịch là chuyện bình thường thì tại Việt Nam điều này là không thể chấp nhận được vì tín đồ Tin Lành Việt Nam cho rằng, thờ phượng, hát tôn vinh ca ngợi Chúa phải trang trọng, nghiêm túc mới đúng theo phong cách nghi lễ Á Đông.

Cho dù tiếp nhận sự truyền giáo từ các giáo sĩ Phương Tây nhưng những tầng lớp chức sắc đầu tiên của cộng đồng Tin Lành lại giữ gìn những nguyên tắc luân lý, phong cách Nho giáo truyền thống một cách trân trọng. Điều này biểu hiện qua việc ý tứ trong ăn mặc, đi đứng, nói năng và khuyên dạy tín đồ. Khác với tính chất dân chủ, Cải cách của Tin Lành giáo tại Âu - Mỹ vốn quan niệm mục sư, truyền đạo không phải là phẩm trật, chỉ là người thông hiểu Kinh Thánh hơn tín đồ mà thôi. Tuy nhiên, tại Việt Nam xuất phát từ quan niệm “tôn sư trọng đạo” của Nho giáo, các mục sư, truyền đạo thường rất được kính trọng.

Trong khi xã hội bên ngoài thay đổi thì trong cộng đồng Tin Lành lại nhận thấy sự bảo thủ trong việc tiếp nhận các thể loại âm nhạc, ti vi, phim ảnh mang tính chất giải trí, coi đó là nguồn gốc gây ra sự suy đồi đạo đức của tôi tớ con cái Chúa.

Qua hoạt động truyền giáo, đặc biệt tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên từ những năm 20 của thế kỷ 20, các giáo sĩ Hội Truyền giáo C.M.A và các mục sư truyền đạo người Việt đã xuất bản các sách, bài viết ghi lại nhật ký truyền giáo chứa đựng nhiều chi tiết khoa học đáng quý về nhân chủng học, về phong tục tập quán của nhiều dân tộc trên Tây Nguyên mà họ đã từng tiếp xúc, nghiên cứu để tiến hành truyền giáo. Tương tự như vậy là các cuốn sách, bài viết của Mục sư Phạm Văn Năm, Mục sư Phạm Xuân Tín, Mục sư Kiều Toàn viết về công việc truyền giáo của họ giữa vùng người Cơ ho, M'ông, Cơ Tu, v.v...

Đặc biệt đáng chú ý là kho tàng khoa học đồ sộ do các giáo sĩ ngôn ngữ của Hội Ngữ học Mùa hè (S.I.L) tiến hành. Cho dù mục đích của họ là nghiên cứu về nhân chủng học, ngữ âm tộc người, dựng chữ viết theo mẫu tự La tinh cho 22 dân tộc, in ấn kinh sách để truyền đạo... nhưng những nghiên cứu của họ là những dữ liệu khoa học rất đáng quý cho các nhà ngôn ngữ, dân tộc học hiện nay và cả sau này.

Sau hết, những ấn phẩm truyền giáo và phục vụ truyền giáo, các tạp chí, sách báo, các công trình khảo cứu của giới chức Tin Lành trong suốt lịch sử quá trình truyền giáo chứa đựng rất nhiều chi tiết, kiến thức khoa học có giá trị về mặt văn hóa, lịch sử, cần được tiếp thu và nghiên cứu.

3. Giá trị đạo đức và luân lý của Tin Lành

3.1. Đặc điểm về đạo đức và luân lý Tin Lành

Theo một định nghĩa chung thì đạo đức và luân lý đều diễn tả một cuộc sống phù hợp với nguyên tắc đạo lý làm người. Tại Phương Tây, thuật ngữ tương đương *ethic* và *moral* (Pháp ngữ: *ethique* và *morale*) vốn có gốc từ Hy Lạp và La tinh cũng đề chỉ về tập tục, phong hóa, quy tắc, lễ luật.

Tuy nhiên, khi nói đến đạo đức và luân lý Tin Lành thì đây lại là câu chuyện khác. Nếu như đạo đức triết học với cơ sở là lý trí tự nhiên thì đạo đức Tin Lành lại xuất phát từ đạo đức Kinh Thánh, với ba luận điểm thần học Cải cách nổi bật: *Chỉ có Đức Chúa Trời, chỉ có Kinh Thánh, chỉ có Ân Điển*. Và kết quả tốt đẹp của đức tin và lối sống đạo đức được thể hiện qua câu Kinh Thánh *Người công chính sẽ sống bởi đức tin*⁵.

Một học giả đã làm rõ thêm: *Đạo đức Tin Lành nhấn mạnh đến nguồn gốc đạo đức xuất phát từ bản thể của Đức Chúa Trời, bản chất là phản ánh ý chí của Đấng Tối Cao trong sự tạo dựng và cứu rỗi nhân loại. Yếu tố cơ bản của đạo đức được Đức Chúa Trời cung cấp qua Kinh Thánh, qua thế giới tự nhiên và lịch sử con người. Tất cả mọi người đều ý thức sự thúc bách từ trong lòng về điều thiện mà mình phải làm và nhận thức mình là “nhân vô thập toàn” không thể làm trọn các chuẩn mực*⁶.

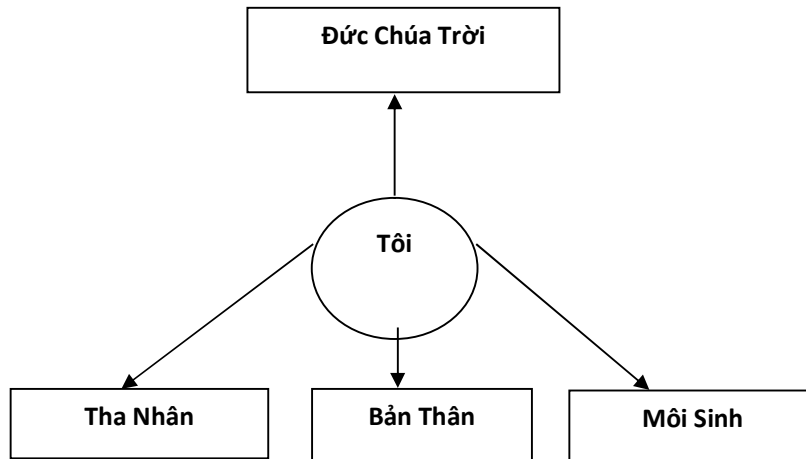
Lưu Hồng Khanh, một nhà khảo cứu thần học đã đưa ra định nghĩa: *Đạo đức Cơ Đốc giáo (Tin Lành) được định nghĩa là suy tư dựa trên Thần học Thánh Kinh về hành động có trách nhiệm của con người đối với Đức Chúa Trời, với tha nhân, với bản thân và với môi sinh vũ trụ*⁷.

Theo định nghĩa đó thì đạo đức Cơ Đốc (Tin Lành) gồm 3 khía cạnh chính như sau:

1) Đạo đức Cơ Đốc là suy tư Thánh Kinh thần học: Suy tư Thánh Kinh thần học nhằm đưa đến những hành động đạo đức có ý thức và trách nhiệm. Cũng cần có ý thức được quy luật tiến trình lịch sử của lời Chúa, liên hệ sự tiếp nối và bài học mà từ trong Cựu Ước tưởng như là xưa cũ đối với đời sống hiện đại hôm nay.

2) Đạo đức Cơ Đốc và hành động có trách nhiệm: Xác định con người có trách nhiệm về hành động của mình với sự liên đới cùng các nền đạo đức nhân bản khác.

3) Bốn cấp bậc của trách nhiệm: Đạo đức Cơ Đốc được định nghĩa qua bốn mối tương quan giữa con người với Đức Chúa Trời, với bản thân, với tha nhân và với môi sinh vũ trụ qua sơ đồ sau:



Theo đó, tương quan với Đức Chúa Trời là mối tương quan trước nhất, cao nhất, có ý nghĩa quyết định.

Tương quan với tha nhân: Yêu kính Đức Chúa Trời và yêu thương tha nhân “yêu kẻ khác như chính mình”.

Tương quan đối với bản thân: mối tương quan tự nhiên đối với chính bản thân mình, bởi thân thể của Cơ Đốc nhân cũng là “Đền thờ của Đức Chúa Trời”.

Tương quan đối với môi sinh: mang một ý nghĩa thời sự cần kíp trong thời đại ngày nay.

Thêm nữa, đạo đức Cơ Đốc (Tin Lành) không chỉ có nhiệm vụ làm cho con người có ý thức về trách nhiệm của mình với 4 bậc trách nhiệm như trên mà còn phải trình bày những thể thức hành động, phải nêu ra được những quy phạm, tiêu chuẩn hành động để con người có thể tổ chức và hình thành cuộc sống của mình một cách cụ thể⁸.

Như vậy, đạo đức và luân lý Tin Lành dựa trên nền tảng Kinh Thánh hay còn được gọi là đạo đức Kinh Thánh, bao gồm các phần như sau:

Lề luật của Đức Chúa Trời (Đức Chúa Cha) và các trật tự tạo thành. Phần này các triết gia, sử gia Tin Lành coi như là đạo đức Mạc Khải, đạo đức lề luật của Dân Chúa trong đó *Mười điều răn Đức Chúa Trời* là trung tâm.

Đạo đức của Chúa Jesus Christ với sự giao giảng về Nước Trời, thái độ đối với Lề luật, những điều kiện tiên quyết để được cứu đó là ăn năn hối cải và bước theo Chúa. Giới răn mới của Chúa Jesus Christ tóm gọn trong khẩu ngữ “Mến Chúa và yêu người”. Trong phạm vi của đạo đức Đấng Christ bao hàm cả ba lĩnh vực đạo đức như là: Nam nữ, gia đình, ngoại tình và li dị; Đất đai, nhà cửa, của cải, cơ nghiệp; Nhà nước và quyền bính.

Tác động đổi mới của Đức Thánh Linh (Ngôi ba của Đức Chúa Trời): Nhờ năng lực đổi mới của Đức Thánh Linh mà việc giữ lề luật và thi hành lề luật được thúc đẩy và kiện toàn và nó là nguyên nhân dây chuyền tác động để hướng dẫn đời sống Cơ Đốc nhân và cả cộng đồng theo đạo đức Cơ Đốc.

Giáo huấn của các Sứ Đồ cũng là cơ sở thần học của đạo đức Tin Lành. Qua nội dung giáo huấn, hội thánh thẩm nhuần những nguyên tắc ân điển và việc lành, trực thuyết và mệnh lệnh và nhất là đạo đức mang tính cộng đoàn, những thái độ, những giới hạn, những tiêu chuẩn và nội dung đạo đức của Cơ Đốc nhân trong môi trường trong và ngoài cộng đoàn tôn giáo.

Đạo đức Cơ Đốc và thế gian: Thế gian ngoài Kitô là một thực tại từ thời Tân Ước và quan hệ của người Cơ Đốc với thế gian bên ngoài cũng là thực tại cần được soi sáng. Đây là nội dung khá phức tạp của đạo đức Cơ Đốc vì người Cơ Đốc “vừa ở trong thế gian vừa không thuộc về thế gian, vừa chu toàn những trách nhiệm trần thế vừa tôn vinh vương quyền của Nước Chúa”. Phải lý giải ra sao khi như mô tả thì thế gian phạm tục như là một hệ thống phản nghịch Thiên Chúa, trong khi thực tế thì thế gian cùng xã hội, người ngoại đạo vẫn cùng

Cơ Đốc nhân chung sống? Đó là những vấn đề cần phải lý giải của đạo đức Cơ Đốc.

3.2. Cộng đồng Tin Lành tại Việt Nam với vấn đề đạo đức và luân lý

Ngay từ khi các mới ra đời, *Hội Tin Lành Đông Pháp* với một cộng đồng tín đồ bản xứ nhỏ bé, các giáo sĩ, các nhà lãnh đạo giáo hội Tin Lành đã lo lắng đến việc gây dựng tổ chức, răn dạy tín đồ, giữ nền đạo đức và luân lý giữa một xã hội cổ truyền Á Đông vốn chịu ảnh hưởng sâu đậm của các tôn giáo và tín ngưỡng cổ truyền hàng ngàn năm.

Trước hết là quy định tín đồ của Hội Thánh, được đưa vào trong bản Điều lệ đầu tiên rất rõ ràng và chi tiết, theo đó:

Hội Tin Lành Đông Pháp quy định tín đồ chia ra làm hai thành phần: *tín đồ chính thức* (còn gọi là tín đồ Báp-têm) và *tín đồ chưa chính thức*.

Tín đồ chưa chính thức: trẻ em chưa tới 14 tuổi của các gia đình Tin Lành (HTTLVN chỉ làm Báp-têm sau khi đã 14 tuổi) và những người đã tin nhận Chúa nhưng còn đang phải học hỏi về giáo lý, tổ chức.

Tín đồ chính thức (Báp-têm), Điều kiện như sau:

Tín đồ chính thức phải là người ăn năn tội, tin nhận Đức Chúa Jesus Christ làm cứu Chúa của mình, chịu phép Báp-têm, công nhận Kinh Thánh là nền tảng tin kính của cả đời sống mình.... Phải hết lòng sốt sắng làm chứng về Đấng Chúa Jesus Christ và dâng tiền của để hầu việc Chúa. Cũng phải có phẩm hạnh hiệp với Kinh Thánh, không nên dự vào các việc hương hỏa, cúng cấp cùng các sự dị đoan.

Không nên dùng hoặc buôn bán những vật không hợp với tôn chỉ của đạo Tin Lành như là: thuốc phiện, rượu, thuốc lá, các phẩm vật cúng thờ hình tượng. Phải bỏ bất luận nghề nghiệp gì không hợp với chánh đạo...⁹.

Tín đồ của HTTLVN được răn dạy 10 tội mà nếu vướng vào sẽ bị “dứt phép thông công” (khai trừ khỏi Hội Thánh), đó là các tội:

Thờ cúng thần tượng, tà dâm, lấy vợ bé, lấy vợ chồng người, trộm cắp, gian lận và lường gạt, vô cớ bỏ vợ, bỏ chồng, cờ bạc, theo tà giáo,

lấy vợ, lấy chồng không theo sự dạy dỗ trong Kinh Thánh, cha mẹ ép gả con cái không theo Kinh Thánh.

Quy định tiêu chuẩn của một tín đồ chính thức của HTTLVN như vậy, ngay từ buổi ban đầu là rất chặt chẽ, trong đó đặt nặng sự tin và hiểu đạo, làm theo từng câu chữ của Kinh Thánh, nhấn mạnh yêu cầu về “chất” hơn là số lượng.

3.3. Đạo đức và luân lý Tin Lành và vai trò biến đổi xã hội, cộng đồng

Theo dòng lịch sử truyền giáo, cho dù còn nhiều nhận định khác nhau nhưng nhìn nhận khách quan thì tín đồ Tin Lành là những người siêng năng, tích cực, giữ lòng đạo đức, có lối sống giản dị, chân thực, không mắc vào các tệ nạn rượu chè, cờ bạc, hút xách, v.v... Họ cũng có ý thức tiết kiệm, phấn đấu cho cuộc sống xã hội tốt đẹp, nhanh nhậy trong sản xuất làm ăn, buôn bán. Điều này thể hiện rõ khi Tin Lành thành công và mang đến nhiều thay đổi mang tính cách mạng trong đời sống xã hội tại nhiều vùng dân tộc thiểu số tại Việt Nam hiện nay.

Từ việc giáo dục đạo đức tôn giáo trong Kinh Thánh, yêu cầu bắt buộc mà mỗi tín đồ đều phải tuân theo, Tin Lành khi truyền giáo đã tác động vào tập quán, lối sống của tín đồ đã mang lại những thay đổi về lối sống, đạo đức, nhận thức của cộng đồng tín đồ mà ở đây là hiệu ứng tích cực, đó là: Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, cúng bái nặng nề, tốn kém; khuyến khích làm điều hay, việc tốt, thực hành nếp sống tiến bộ, sống đời sống một vợ một chồng; ăn ở vệ sinh, ốm đau phải dùng thuốc; không được nghiện ngập, hút chích, rượu chè, cờ bạc bê tha; không được tin vào tà ma, bói toán.... Ngoài ra, các nhà truyền đạo còn dạy đồng bào biết cách tổ chức cuộc sống, sắp xếp công việc làm ăn, thực hành tiết kiệm, phát huy tinh thần tương thân, tương ái.

Lý giải bằng cách nhìn của “đạo đức Kinh Thánh”, một mục sư người dân tộc tại Tây Nguyên đã giải thích rõ thêm về những biến chuyển này: “Đời sống của những người tin theo Tin Lành có sự thay đổi rõ rệt: 1) Họ không bị làm nô lệ cho đủ loại thần (Yang) trong làng, những tập tục lạc hậu và thờ cúng nữa. 2) Chính đời sống của họ được thay đổi, họ được giải phóng khỏi nô lệ của rượu, thuốc lá vốn

đã làm chậm đi sự phát triển về ý thức và kinh tế, v.v... 3) Họ rất nhanh thích ứng với sự chuyển biến của xã hội, sự giúp đỡ đùm bọc lẫn nhau để vươn lên cải thiện cuộc sống. 4) Họ luôn bình an, can đảm bởi chính họ đã nhìn thấy được ánh Sáng và Sức Sống của Chúa cho đời sống họ”¹⁰.

Còn tại vùng người Mông theo Tin Lành tại phía miền núi phía Bắc, Tin Lành giáo còn mang đến những thay đổi mang tính bước ngoặt về đạo đức, lối sống: “Có thể nói người Mông khi chưa tin Chúa, thì họ không chỉ bị trói buộc trong vòng kiềm tỏa của tín ngưỡng mà còn bị các tệ nạn xã hội khổng chế. Tuy nhiên, sau khi tin Chúa thì mọi sự đã được thay đổi. Với những gia đình tin Chúa, họ đã loại bỏ tất cả các loại ma kể trên, nếu bị ốm đau họ đi khám bác sĩ thay vì đi đến thầy cúng; các chị em được tôn trọng, được đi sinh hoạt vui vẻ, được thể hiện mình, được ăn mặc đẹp trong những buổi sinh hoạt thờ phượng thay vì suốt đời phải hầu hạ ông chồng say xỉn như trước đây. Những gia đình theo Tin Lành đều cho con cái đi học hành; từ bỏ việc trồng và hút thuốc phiện; thanh niên không còn nghiện rượu, yêu thương vợ hơn thay vì đánh vợ như trước kia. Chính bởi sự thay đổi lớn lao theo xu hướng tiến bộ này mà khi bản làng nào có một người tin Chúa thì gần như cả bản đều tin Chúa”¹¹.

Đạo đức và luân lý Tin Lành biểu hiện qua sinh hoạt cộng đồng

Có thể ngoài đời, tư cách và vị thế xã hội của mỗi tín đồ khác biệt nhưng trong sinh hoạt cộng đồng lại khác. Tất cả đều bình đẳng với nhau, được tiếp đón niềm nở, vui cười, cùng nhau hát Thánh ca, cùng cầu nguyện, chúc phúc cho nhau. Không chỉ riêng mục sư cầu nguyện và diễn thuyết mà bất cứ tín đồ nào cũng đều được khuyến khích đứng lên cầu nguyện, dãi bày lòng mình, ca hát, ngoài ra còn gặp gỡ, trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau, v.v... Nghi thức hành lễ và tổ chức dân chủ của Tin Lành mang đến cho tín đồ sự tự tin, dạn dĩ, thoải mái, vui vẻ chứ không nặng nề, bí hiểm, kinh sợ như nghi thức thờ phượng của một số tôn giáo tín ngưỡng khác. Điều này mang tính hấp dẫn đặc biệt của tôn giáo này, đặc biệt hiệu quả làm chống “stress” trong xã hội công nghiệp, thị thành.

Việc chăm sóc tín đồ Tin Lành biểu hiện lối sống của họ thể hiện qua nhiều cách thức. Tuy vậy, có hai hình thức chủ yếu là thăm viếng và hội họp tại gia đình để cầu nguyện. Thăm viếng là ghé thăm nhà của nhau để trò chuyện, thông cảm hay tìm hiểu khó khăn để tìm phương hướng giải quyết giúp đỡ nhau.

Thăm viếng thường do các mục sư, truyền đạo chịu trách nhiệm thường xuyên tiến hành. Ngoài ra, tại từng chi hội cũng khuyến khích các tín đồ tích cực thăm viếng lẫn nhau vừa để bồi bổ “đời thuộc linh” vừa là một hình thức để nắm bắt về đời sống tín đồ xem có tuân theo kỷ luật của Hội Thánh hay không.

Ngoài việc thăm viếng, việc đẩy mạnh hội họp tại nhà riêng của các tín đồ để cầu nguyện cũng là một đặc điểm về lối sống và sinh hoạt của Tin Lành giáo

“Cầu nguyện tuần hoàn” giữa các tín đồ gần nhà nhau là hình thức phổ biến để thắt chặt các mối quan hệ, để giữ đạo.

Ngoài ra, trường hợp gia đình có người bệnh, chết hay đám hỏi, đám cưới, đầy tháng, sinh nhật, chúc thọ, tân gia, khai trương cơ sở mới, v.v... thường mời mục sư, truyền đạo và các tín hữu đồng đạo đến để cầu nguyện, kể cả làm lễ tại gia.

Do thực thi các hình thức sinh hoạt và chăm sóc lẫn nhau như vậy mà mối dây liên hệ giữa các tín hữu với nhau và với mục sư, truyền đạo gần gũi, hòa đồng, gắn bó với nhau.

3.4. Lối sống của người Tin Lành và mối quan hệ với xã hội bên ngoài cộng đồng Tin Lành

“Mến Chúa, yêu người” thương yêu và giúp đỡ tha nhân là một trong những tiêu chí về đạo đức của mỗi một tín đồ. Tuy nhiên, có một thực tế ở Việt Nam là dù lấy lấy Kinh Thánh làm nền tảng đức tin và đời sống nhưng cộng đồng Tin Lành chỉ quan tâm nhiều tới mảng truyền giáo mà ít có sự chú ý đến sự hài hòa, hội nhập xã hội. Điều này được một mục sư thừa nhận: “Nhiều Cơ Đốc nhân luôn mang cái nhìn chủ quan “chỉ có mình là chân lý” khi tiếp xúc với những người theo các tôn giáo khác, dẫn đến sự nghi kỵ, kỳ thị và xa lánh trong mối liên hệ cá nhân cũng như xã hội. Đồng thời với sự đóng khung

của Hội Thánh trong các mục vụ chỉ giới hạn trong Hội Thánh hoặc nhiều lắm là liên Hội Thánh, chứ chưa tạo được sự tương tác với cộng đồng, ngay cả trong công tác cứu trợ - Hội Thánh vẫn chỉ tập trung vào những thuộc viên của mình chứ chưa có sự quan tâm thỏa đáng cho những người khác, nếu có thì cũng rất hạn chế. Điều đó dẫn đến tình trạng khép kín trong mỗi liên hệ cá nhân giữa Cơ Đốc nhân với những người không cùng niềm tin với mình, cũng như giữa Hội Thánh với cộng đồng chung quanh. Và càng ngày, sự ngăn cách đó càng bị khoét sâu thêm thay vì phải lấp đầy nhanh chóng”¹².

Hiện nay, giáo hội đã có sự chuyển hướng, cổ động cho việc người tín đồ với đặc trưng đạo đức luân lý của mình tham gia vào đời sống xã hội, cụ thể như trong điều 72 Hiến chương mới đã nhấn mạnh về trách nhiệm xã hội của các Cơ đốc nhân¹³.

Kết luận

Đạo đức luân lý Tin Lành là nền đạo đức luân lý tôn giáo được xây dựng trên nền tảng Kinh Thánh hay còn gọi là đạo đức Kinh Thánh. Đạo đức Tin Lành chính là hệ thống các quy tắc dựa trên Thánh Kinh thần học nhằm đưa đến những hành động đạo đức có ý thức và trách nhiệm cho mỗi tín đồ trong mối tương quan giữa con người với Đức Chúa Trời, với bản thân, với cộng đồng. Với ba nguyên lý cơ bản của Cải cách: *Chỉ có Đức Chúa Trời, chỉ có Kinh Thánh, chỉ có Ân Điển*, hệ thống đạo đức luân lý Tin Lành đã tỏ ra có sức sống, phù hợp với lối ứng xử, lối sống cá nhân trong đời sống xã hội các nước Âu - Mỹ mà điển hình như trường hợp nhà xã hội học Max Weber đã nghiên cứu. Đạo đức Tin Lành quy định lối sống của một tín đồ trong mối liên hệ trách nhiệm với Đấng Tối cao, đối xử nhân ái với đồng loại và bảo vệ môi trường tự nhiên. Nội dung đạo đức Tin Lành biểu hiện qua việc đề cao sứ mạng của mỗi tín đồ giữa trần thế, làm ăn với trách nhiệm có uy tín, đề cao lối sống tiết kiệm và cuộc đời của mỗi tín hữu phải sinh lợi.

Du nhập vào Việt Nam, Tin Lành giáo cũng đã gây dựng được một cộng đồng tín đồ với các quy phạm về tín lý và đạo đức nghiêm ngặt, mang đến nhiều thay đổi tốt đẹp trong cộng đồng tín đồ, đặc biệt là cộng đồng tín đồ người dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng khách quan và chủ quan của quá trình truyền giáo, do môi trường xã hội chính trị, cộng đồng Tin Lành còn thụ động, khép kín chưa chủ động trong việc hội nhập và phát huy những giá trị đạo đức và lối sống của mình đối với xã hội. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Xuân Hùng (2001), “Về nguồn gốc và sự xuất hiện tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3: 47-55.
- 2 Tiếng Anh: The Christian and Missionary Alliance. Thường được giới Tin Lành Việt Nam dịch là Hội Truyền giáo Phúc Âm liên hiệp (NXH).
- 3 Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), *Hiến Chương 2001*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2002: 7.
- 4 Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), *Hiến Chương 2001*, Sdd: 43 - 68.
- 5 *Kinh Thánh*, Rôma 1:17b.
- 6 Mã Phúc Thanh Tươi (2011), “Vài nét tương đồng trong đạo đức Tin Lành và đạo đức truyền thống”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 12: 53 - 59.
- 7 Lưu Hồng Khanh (2003), *Đạo đức học Cơ Đốc/ Kitô*, Thần học Viện Tin Lành Việt Nam, Frankfurt: 9.
- 8 Lưu Hồng Khanh (2003), Sdd: 10 -17.
- 9 Xem: *Điều lệ của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam*, Nhà in Tin Lành, Sài Gòn, 1958, tr. 8 (điều VII).
- 10 Mục sư Siu Y Kim (2011), *Sơ lược về sự phát triển của niềm tin Tin Lành trong đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên từ năm 1975-2011*, Bài tham luận Tọa đàm bàn tròn về Tin Lành ở Việt Nam do Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam phối hợp với IGE, Mỹ tổ chức vào tháng 6 tại Hà Nội.
- 11 Mục sư Nguyễn Hữu Mạc (2012), *Phúc âm và biến đổi đời sống văn hóa của các tín đồ ở Việt Nam*, Bài tham luận Hội thảo Việt - Mỹ: “Đạo Tin Lành và văn hóa Việt Nam”, Hà Nội: 9.
- 12 Mục sư Hồ Nguyên Kha, *Cơ Đốc nhân với trách nhiệm xã hội*, trên trang web chính thức của Hội Thánh Tin Lành Miền Nam Việt Nam ngày 17/3/2013, <http://htlvn.org/index.php?do=news&act=detail&id=3073>).
- 13 Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, *Hiến chương 2001*, Sdd: 63 -64.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Earle. E. Cairns (2001), *Cơ Đốc giáo trải các thế kỷ - Lịch sử Hội Thánh*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. David L. Smith (2004), *Thần học hiện đại*, Viện Thần học Tin Lành Việt Nam xuất bản. Westminter California.
3. Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Nam), *Hiến chương 2001*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2002.
4. Nguyễn Xuân Hùng (2001), “Về nguồn gốc và sự xuất hiện tên gọi đạo Tin Lành tại Việt Nam”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3: 47 - 55.

5. Lưu Hồng Khanh (2003), *Đạo đức học Cơ Đốc/Kitô. Giáo trình Thần học*, Thần học viện Tin Lành Việt Nam xuất bản, Frankfurt.
6. Max Weber (2008), *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.
7. Lê Hoàng Phu (1974), *Lịch sử Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 1911 -1965*, Nghiên cứu Phúc Âm xuất bản, Sài Gòn.
8. Rick Warren (2004), *Sống theo đúng mục đích*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
9. Trương Văn Thiên Tư (2009), *Mệnh Trời - Hướng đến một nền Thần học Sự mạng Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Thần học, Berkeley, California.
10. Lê Văn Thiện (2010), *Phúc Âm và Văn hóa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
11. Mã Phúc Thanh Tươi (2013), *Đạo đức Tin Lành và lối sống đạo đức của tín đồ tại Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ Triết học.
12. Thái Phước Trường (2011), *Hội Thánh Tin Lành Việt Nam 100 năm hình thành và phát triển*, Lưu hành nội bộ, Tp. Hồ Chí Minh.
13. Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Tư liệu 03 cuộc Tọa đàm bàn tròn Việt - Mỹ về lịch sử đạo Tin Lành tại Việt Nam (2010, 2011, 2012).

Abstract

LEARNING ABOUT ON DOCTRINE, DOGMA, MORALITY AND LIFE STYLE OF THE PROTESTANTS IN VIETNAM

Protestantism has become a religious community that has influenced many aspects of contemporary Vietnamese social life for more than 100 years of evangelized history. This paper explores the doctrine, ethic and life style of the Protestants to promote the humane values of this religion in order to build the culture and society at present. Beside an overview of Protestantism in the world, the article also analyzes these characteristics of doctrine, organization, ethics and lifestyle of the Protestant communities which are playing an important role in Vietnam. However, it is a very large and complex topic, so the author just considers it as an initial research, it cannot cover all aspects of the problem.

Keywords: Protestantism, doctrine, dogma, ethic, morality, Vietnam.